

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-02-2021

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Phước
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Dáng Hương – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 398/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15^A/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Trúc L, sinh năm 1986 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 186 CVA, ấp T3, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang

- Bị đơn: Anh Phan Hiệu L1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TP3, xã VP, huyện TS, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Lê Thị Trúc Linh trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L và anh L1 do mai mối nên tiến đến hôn nhân năm 2004, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 10/8/2018 tại UBND xã thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với gia đình chị L ở thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân rất hạnh phúc. Đến năm 2015 thì anh L1 thay đổi tính tình, thường xuyên đi sớm về trễ, hay tụ tập nhậu nhẹt và bắt đầu chơi cờ bạc, tiền kiếm được anh L1 giữ riêng để tiêu xài cá nhân mà không chăm lo cho gia đình, còn khiến gia đình nhiều lần lâm vào cảnh nợ nần, cụ thể là vào năm 2017, anh L1 gây nợ khoảng 300.000.000 đồng và bỏ trốn khỏi địa phương khoảng 01 tháng, khi đó vì còn thương anh L1 nên chị L đã năn nỉ gia đình bỏ qua lỗi lầm của anh L1, lo tiền trả nợ cho anh L1 và khuyên nhủ anh L1 quay về gia đình. Tuy nhiên, sau lần đó anh L1 vẫn chưa chịu sửa đổi, tiếp tục gây nợ và bỏ đi lần thứ hai vào năm 2018 đến năm 2020 thì quay về nhà sống được một thời gian và lại bỏ đi tiếp đến nay. Trong thời gian bỏ nhà đi, chị L nghe được tin anh L sống chung với người phụ nữ khác, mặc dù đã cố gắng khuyên nhủ anh L1 quay về nhưng không được. Nhận thấy không thể nào tiếp tục chung sống với anh L1 và hiện tại cũng không còn tình cảm với anh L1 nữa nên chị L yêu cầu ly hôn anh L1.

Về con chung: Quá trình chung sống có hai con chung tên Phan Lê Trí V, sinh ngày 10/3/2006 và Phan Lê Triệu V1, sinh ngày 08/12/2015. Hiện nay hai con đang sống chung với chị L. Do đó khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không nợ chung ai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để chị L và anh L1 thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L1 nhưng anh L1 vắng mặt không lý do nên việc hòa giải không tiến hành được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh L1 vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa: Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do bận đi làm ăn xa nên Hội đồng xét xử công bố lời khai của chị L. Anh L1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Anh Linh vắng mặt lần thứ hai không lý do, chị Linh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn anh L1. Về con chung, giao cháu Phan Lê Trí V và Phan Lê Triệu V1 cho chị Lê Thị Trúc L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Trúc L và anh Phan Hiệu L1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118 do UBND thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân cấp ngày 10/8/2018). Anh Phan Hiệu L1 có hộ khẩu thường trú tại: Ấp Trung Phú 3, xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị Lê Thị Trúc L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Phan Hiệu L1 vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Xét việc tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L1 xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10/8/2018 tại UBND thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo chị L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do anh L1 ham mê cờ bạc, rượu chè, phá tán tài sản gia đình, nhiều lần bỏ nhà đi không quan tâm đến vợ con, mặc dù chị L đã nhiều lần tha thứ và khuyên nhủ anh L1 sửa đổi để cùng chị xây dựng gia đình, nuôi dạy các con nhưng không được, trong thời gian anh L1 bỏ nhà đi chị biết được anh đã sống chung với người phụ nữ khác. Do nhận thấy không thể tiếp tục

chung sống vì mâu thuẫn giữa cả hai quá trầm trọng không thể nào hàn gắn nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh L1.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng anh L1 đều vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

[3.2] Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ tôn trọng nhau, chung thủy với nhau và cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Quá trình chung sống, theo chị L trình bày anh L1 không quan tâm gia đình, gây cảnh nợ nần và bỏ nhà đi không liên lạc được. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở các phiên hòa giải để cho cả hai có cơ hội hàn gắn nhưng anh L1 đều vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị L cho thấy mâu thuẫn của cả hai đã trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung của vợ chồng không có nên yêu cầu ly hôn của chị Linh là có cơ sở. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[4] *Về con chung*: Theo chị L trình bày quá trình chung sống có hai con chung là Phan Lê Trí V, sinh ngày 10/3/2006 và Phan Lê Triệu V1, sinh ngày 08/12/2015. Hiện nay hai con đang sống chung với chị L nên khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi hai con và không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Phan Lê Trí V đã thể hiện nguyện vọng của cháu muốn sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét yêu cầu của chị L phù hợp nguyện vọng của cháu Trí V đồng thời việc giao con chung cho chị Linh trực tiếp nuôi dưỡng đảm bảo sự ổn định về tâm lý và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu nên yêu cầu của chị L là có cơ sở chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho chị L về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với người trực tiếp nuôi con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung nhưng chị L vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của chị L trong việc không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung*: Chị L trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh L1 không có văn bản nêu ý kiến và yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Theo trình bày của chị L không có nợ chung, anh L1 vắng mặt và cũng không có văn bản nêu ý kiến và yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[7] *Về án phí*: Chị Lê Thị Trúc L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định. Anh Phan Hiệu L1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Trúc L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Trúc L được ly hôn anh Phan Hiệu L1

2. Về con chung: Giao cháu Phan Lê Trí V, sinh ngày 10/3/2006 và Phan Lê Triệu V1, sinh ngày 08/12/2015 cho chị Lê Thị Trúc L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phan Hiệu L1 và các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của chị Lê Thị Trúc L. Chị Lê Thị Trúc L và các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Phan Hiệu L1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Trúc L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004081 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn.

Anh Phan Hiệu L1 không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 118 do UBND thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân cấp ngày 10/8/2018 cho chị Lê Thị Trúc Linh và anh Phan Hiệu Linh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Thoại Sơn (1);
- THADS huyện Thoại Sơn (1);
- UBND TT.Phú Mỹ, H.Phú Tân (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Mỹ Linh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Thoại Sơn (1);
- THADS huyện Thoại Sơn (1);
- UBND TT.Phú Mỹ, Phú Tân (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Mỹ Linh